

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

QUỸ ETF SSIAM VNX50

Số/No.: 20/2020/TB-SSIAM-NVQ

Hà Nội, ngày 03 tháng 04 năm 2020
Hanoi, 03 April 2020

CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU GIAO DỊCH
HOÁN ĐỔI

ANNOUNCEMENT
AFTER EXCHANGE TRADING

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM
To: Ho Chi Minh City Stock Exchange

- Tên CTQLQ/ Fund Management company: Công ty TNHH Quản Lý Quỹ SSI
- Tên Ngân hàng giám sát/ Supervisory Bank: Ngân hàng BIDV, Chi nhánh Hà Thành
- Tên Quỹ ETF/ ETF name: Quỹ ETF SSIAM VNX50
- Mã chứng khoán/ Securities symbol: FUESSV50
- Ngày giao dịch hoán đổi/ Exchange date: 01/04/2020
- Đơn vị tính lô: 1 lô ETF tương đương: 100.000 chứng chỉ quỹ ETF
Unit: 1 ETF Creation Unit = 100,000 ETF certificates

Danh mục đã dùng hoán đổi 1 lô ETF/ Basket of Component Securities and Cash Component:

STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Tỷ lệ % trong danh mục
Order	Securities symbol	Volume	Weight
I	Chứng khoán/Stock		
1	ACB	2,300	4.6%
2	BVH	90	0.4%
3	CII	280	0.6%
4	CTD	40	0.2%
5	CTG	480	0.9%
6	DHG	10	0.1%
7	DXG	590	0.5%
8	EIB	1,500	2.4%
9	FLC	820	0.2%
10	FPT	780	3.6%
11	GAS	130	0.8%
12	GEX	560	0.9%
13	GMD	360	0.6%
14	HBC	230	0.2%
15	HCM	170	0.2%
16	HDB	970	1.9%
17	HPG	2,390	4.5%
18	HSG	360	0.2%



19	KBC	500	0.6%
20	MBB	2,010	3.0%
21	MSN	670	3.7%
22	MWG	410	2.7%
23	NLG	210	0.5%
24	NVL	470	2.7%
25	PDR	180	0.5%
26	PLX	150	0.6%
27	PNJ	260	1.4%
28	POW	670	0.5%
29	PVD	300	0.2%
30	PVS	300	0.3%
31	REE	240	0.7%
32	ROS	360	0.1%
33	SAB	100	1.4%
34	SBT	380	0.5%
35	SHB	1,700	2.3%
36	SSI	440	0.6%
37	STB	2,600	2.1%
38	TCB	3,280	5.5%
39	TCH	280	0.5%
40	TPB	710	1.4%
41	VCB	420	2.9%
42	VCG	100	0.3%
43	VCS	100	0.6%
44	VGC	200	0.3%
45	VHM	1,180	7.2%
46	VIC	1,110	10.3%
47	VJC	370	4.0%
48	VNM	1,070	10.8%
49	VPB	2,460	4.6%
50	VRE	1,310	2.8%
II	Tiền/Cash (VND)	14,792,697	

- Chênh lệch giữa danh mục chứng khoán cơ cấu và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/ *Difference between a basket and an ETF Creation Unit in value:*

+ Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/Basket in value	883,368,100 VND
+ Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/ Value of an ETF Creation Unit	898,160,797 VND
+ Giá trị chênh lệch/ Cash Component	14,792,697 VND

+ Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch / *Options to Investors:*

· Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/ *For creation order* : Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ *Transfer Cash Component*

· Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/ *For redemption order* : Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại/ *Receive Cash Component after subtracting tax and redemption fee*

- Các trường hợp chứng khoán cơ cấu được thay bằng tiền (nếu có, nêu rõ lý do)/
In case, stock can be substituted by cash, state clearly the reason:

STT No	Mã Chứng Khoán Securities	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu (VND)	Đối tượng áp dụng	Lý do
1	BVH	37,000	BVSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo quy định điều 44.4 a Thông tư 210/2012/TT-BTC <i>Restriction of ownership by Circular 210/2012/TT-BTC</i>
2	SSI	11,600	SSI	Cổ phiếu Quỹ chưa đăng ký giao dịch <i>Treasury stock not yet registered for trading</i>
3	VCB	62,000	VCBS	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo quy định điều 44.4 a Thông tư 210/2012/TT-BTC <i>Restriction of ownership by Circular 210/2012/TT-BTC</i>
4	ACB	17,800	Nhà đầu tư nước ngoài / <i>Foreign Investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
5	EIB	14,650	Nhà đầu tư nước ngoài / <i>Foreign Investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
6	FPT	41,100	Nhà đầu tư nước ngoài / <i>Foreign Investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
7	GMD	14,950	Nhà đầu tư nước ngoài / <i>Foreign Investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
8	MBB	13,550	Nhà đầu tư nước ngoài / <i>Foreign Investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
9	MWG	58,900	Nhà đầu tư nước ngoài / <i>Foreign Investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
10	PNJ	46,900	Nhà đầu tư nước ngoài / <i>Foreign Investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>



11	REE	27,300	Nhà đầu tư nước ngoài / <i>Foreign Investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
12	TCB	15,000	Nhà đầu tư nước ngoài / <i>Foreign Investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
13	TPB	17,150	Nhà đầu tư nước ngoài / <i>Foreign Investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
14	VPB	16,950	Nhà đầu tư nước ngoài / <i>Foreign Investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>

Các chỉ tiêu khác/*Other criteria*

Chỉ tiêu/ <i>Criteria</i>	Kỳ này/ <i>This Period</i> 01/04/2020	Kỳ trước/ <i>Last Period</i> 31/03/2020	Chênh lệch/ <i>Difference</i>
Số lô đã phát hành thêm/ <i>Creation Units were issued</i>	0	0	0
Số lô đã mua lại/ <i>Creation Units were redeemed</i>	0	0	0
Tổng số lượng CCQ đăng ký niêm yết/ <i>Issued shares</i>	14,200,000	14,200,000	0
Giá đóng cửa (VND/ccq)/ <i>Closing price</i>	9,200	8,800	400
Giá trị tài sản ròng tại ngày định giá/ <i>Net Asset Value at Valuation Date</i>			
của quỹ ETF/ <i>of the Fund</i>	127,538,833,217	128,090,966,321	-552,133,104
của 1 lô CCQ ETF/ <i>per ETF Creation Unit</i>	898,160,797	902,049,058	-3,888,261
của 1 CCQ/ <i>per Share</i>	8,981.60	9,020.49	-38.89
Chỉ số tham chiếu/ <i>Tracking Index</i>	1,044.02	1,015.63	28.39



Tô Thùy Linh
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC